TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 17-8-2024
V/v Tranh chấp ranh giới QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và ông Nguyễn Văn Học

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Khuất Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Công Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Trần Quang T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Công P, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

+ Cụ Kim Thị P1, sinh năm 1932

Người đại diện theo ủy quyền của cụ P1: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1970 (con của cụ P1)

+ Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1972

+ Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1970

+ Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1979

+ Bà Kim Thị L, sinh năm 1963

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1986 (con của bà L)

+ Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1986

+ Anh Nguyễn Công B1, sinh năm 1990

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

+ Cháu Nguyễn Công B2, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Công MA, sinh năm 2020.

Người đại diện cho cháu B2 và cháu MA: Anh Nguyễn Công B1 và chị Nguyễn Thị H - là bố mẹ đẻ.

+ Anh Trần Quang T, sinh năm 1986

+ Chị Lương Thị T2, sinh năm 1989

+ Anh Trần Quang N, sinh năm 1984

+ Cháu Trần Quang BN, sinh năm 2015, cháu Trần Quang K, sinh năm 2018 và cháu Trần Quang BA, sinh năm 2013.

Người đại diện cho cháu N1, cháu K và cháu A: Anh Trần Quang T và chị Lương Thị T2 – là bố mẹ đẻ.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

+ Bà Công Thị K1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Y, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

+ Bà Công Thị N2, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn TG, xã TĐ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Công K3, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu MK, thị trấn MĐ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

(Bà H và anh T có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của nguyên đơn (do anh Trần Quang T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 181, tờ bản đồ 08, diện tích 965m^2 tại Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ (sau đây gọi là thửa đất số 181) là của bố mẹ bà Công Thị H tặng cho bà H. Ngày 31/12/2002, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất thửa đất số 181 đứng tên chủ sử dụng hộ bà Công Thị H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà H có 03 nhân khẩu: Cụ Hoàng Thị C (là mẹ bà H, chết năm 2007), bà H và anh Trần Quang N (con bà H). Cụ C có chồng là cụ Nguyễn Công T3 (chết năm 1974). Cụ T3 và Cụ C chỉ có bà H là con đẻ duy nhất, không có con nuôi, con ngoài giá thú. Bố và mẹ của Cụ C đều chết trước Cụ C.

Những người hiện đang sinh sống trên thửa đất số 181 là bà H, anh Trần Quang T (con bà H), chị Lương Thị T2 (vợ anh T), cháu Trần Quang BN, cháu Trần Quang K và cháu Trần Quang BA (các con của anh T và chị T4). Ngoài ra, không còn ai khác.

Năm 2021, bà H muốn xây tường bao quanh thửa đất số 181 thì xảy ra tranh chấp với ông Nguyễn Công P ở liền kề thửa đất số 181.

Ông P đã xây nhà, tường bao từ trước. Bà H muốn xây tường bao sát với nhà, tường bao của Ông P nhưng Ông P không đồng ý, mà yêu cầu bà phải xây cách móng nhà, tường bao nhà Ông P 30cm.

Bà H không đồng ý nên đã làm đơn đề nghị UBND xã HM giải quyết. UBND xã HM đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không đạt được thỏa thuận. Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Ông P phải trả cho bà 15m^2 đất vì khi xây dựng công trình, Ông P đã lấn sang đất của bà H và yêu cầu Tòa án xác định ranh giới giữa 2 thửa đất số 181 và thửa đất Ông P đang sử dụng.

Quá trình giải Tòa án quyết vụ án, ngày 18/7/2024, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Ông P phải trả bà diện tích đất lấn chiếm, chỉ yêu cầu Tòa án xác định ranh giới thửa đất số 181 và thửa đất Ông P đang sử dụng.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Công P trình bày:

Thửa đất số 182, tờ bản đồ 08, diện tích 301m^2 tại Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ (sau đây gọi là thửa đất số 182) đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp GCNQSD đất ngày 07/12/2015 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Công O. Nguồn gốc thửa đất của ông cha để lại.

Cụ O (chết năm 2019) có vợ là cụ Kim Thị P1. Cụ O và cụ P1 có 07 người con: Bà Công Thị N, ông Nguyễn Công P, ông Nguyễn Công K1, ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công T1, bà Công Thị K2, ông Nguyễn Công B. Cụ O không có con ngoài giá thú, con nuôi. Bố và mẹ của Cụ O đều chết trước cụ O.

Cụ O đã cho vợ chồng Ông P sử dụng thửa đất số 182 từ trước khi Cụ O chết nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho Ông P. Hiện nay trên thửa đất số 182 có những người đang sinh sống là: Ông P, bà Kim Thị L (vợ Ông P), anh Nguyễn Công M, anh Nguyễn Công B1, chị Nguyễn Thị H (là các con của Ông P), cháu Nguyễn Công B2 và cháu Nguyễn Công MA (là các cháu của Ông P).

Trước đây, ranh giới của thửa đất số 181 và 182 là hàng rào cây duối của gia đình ông trồng trên thửa đất số 182. Năm 1997, gia đình ông xây nhà, bể nước, chuồng chăn nuôi và tường bao: Riêng bể nước là ông xây hết đất, còn xây nhà cấp bốn thì ông để lại đất ngoài tường hậu khoảng 40cm (là hàng cây duối) để mở cánh cửa sổ cũng như giọt gianh mái nhà chảy xuống đất giữa cõi đất của 2 thửa đất và tường bao thì ông xây liền trong hàng rào cây duối mà vẫn để hàng cây duối trồng trên thửa đất số 182. (Thứ tự các công trình gia đình Ông P xây dựng trên thửa đất số 182 tính từ đường làng vào là: Nhà cấp bốn, bể nước, chuồng chăn nuôi, tường bao). Sau khi xây các công trình xong, bà H không đồng ý cho ông để mái ngói chìa ra hết đất mà yêu cầu ông phải dụt bớt phần mái ngói vào khoảng 20cm, vì bà H cho rằng khi nước chảy từ mái ngói xuống, không chảy thẳng xuống cõi giữa 2 thửa đất

mà chảy vọt sang đất nhà bà H. Vì vậy, ông phải dụt bớt mái ngói vào khoảng 15-20cm và dùng máng hứng nước giọt gianh.

Năm 2012, bà H xây quán phía giáp đường làng. Khi đó, Cụ O còn sống đã sang bảo bà H phải để lại hàng rào cây duối của Cụ O làm mốc giới giữa 2 thửa đất. Đến chiều tối, vợ chồng ông đi làm về thì thấy bà H đã phá bỏ hàng rào cây duối. Ông nói lại với Cụ O để Cụ O sang nói với bà H nhưng Cụ O không nói gì, để bà H xây quán lên phần đất trồng cây duối. Vì thửa đất số 182 của Cụ O và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Cụ O nên ông tôn trọng quyết định của Cụ O, để ranh giới đất của 2 gia đình như vậy từ đó cho đến nay.

Nay bà H khởi kiện cho rằng ông lấn chiếm đất của bà H, ông không đồng ý với ranh giới hiện tại của 02 thửa đất. Ông đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa hai 02 thửa đất số 181 và 182 là: Từ mép bể nước của gia đình ông kéo thẳng ra phía ngoài (giáp đường làng), còn từ bể nước kéo ra phía sau đến đoạn gấp khúc thì thửa đất số 182 còn 20cm đất cách đều từ mép tường bao và công trình phụ về phía thửa đất số 181. Nếu ai xây công trình lấn chiếm sang thì phải tháo dỡ trả lại đất.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Anh Trần Quang T, chị Lương Thị T2, anh Trần Quang N (do anh Trần Quang T đại diện theo ủy quyền): Đồng ý với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3.2. Bà Kim Thị L và anh Nguyễn Công M: Đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Công P. Đề nghị gia đình bà H trồng lại hàng cây duối để xác định ranh giới của 02 thửa đất.

3.3. Cụ Kim Thị P1 (do ông Nguyễn Công T đại diện), ông Nguyễn Công T1, ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công B, bà Công Thị N: Thửa đất số 182 của Cụ O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015, đề nghị Tòa án đo đạc, xác định ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ O.

3.4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, không có văn bản, ý kiến trình bày gì.

4. Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập:

4.1. Thửa đất của cụ Nguyễn Công O.

Theo sổ mục kê và bản đổ năm 1992 thể hiện: Thửa đất số 182, tờ bản đồ 08, diện tích 509m^2 chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Công O.

Theo hồ sơ và bản đồ năm 2015 thể hiện: Thửa số 182, tờ bản đồ 08 được tách thành 02 thửa:

Thửa 182, tờ bản đồ 08, diện tích 301m^2 chủ sử dụng đất cụ Nguyễn Công O, đã được UBND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015. Hiện gia đình Ông P đang quản lý, sử dụng thửa đất này.

Thửa 201, tờ bản đồ 08, diện tích 208m^2 chủ sử dụng đất ông Nguyễn Công K (con Cụ O), đã được UBND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015.

Toàn bộ ranh giới phía Bắc của thửa đất đứng tên Cụ O giáp với thửa đất của bà Công Thị H. Trên thửa đất của Cụ O có ngôi nhà cấp 4, bể nước, nhà tắm và nhà chăn nuôi được xây dựng khoảng năm 1997. Tại thời điểm Cụ O xây dựng các công trình trên, không có tranh chấp gì với hộ bà Công Thị H.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ O là đúng trình tự quy định của pháp luật. Từ khi gia đình Cụ O nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay không có ai khiếu kiện gì.

4. 2. Thửa đất của hộ bà Công Thị H

Theo sổ mục kê và bản đồ năm 1992 thể hiện: Thửa đất số 181, tờ bản đồ 08, diện tích 965m^2 chủ sử dụng đất là hộ bà Công Thị H. Nguồn gốc đất là của ông cha để lại.

Ngày 31/12/2002, UBND huyện Phúc Thọ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 181, tờ bản đồ 08, diện tích 965m^2 chủ sử dụng đất là hộ bà Công Thị H.

Phần ranh giới thửa đất của bà H với thửa đất của Cụ O: Bà H xây dựng nhà cấp 4 năm 2012, bể nước và 01 nhà vệ sinh không có mái. Tại thời điểm bà H xây dựng các công trình trên đất, không có tranh chấp gì với hộ cụ Nguyễn Công O.

Tại phiên tòa: Bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu Ông P phải trả bà 15m^2 đất, chỉ đề nghị Tòa án xác định ranh giới thửa đất số 181 của bà với thửa đất số 182 của Cụ O mà hiện Ông P đang sử dụng.

Ông P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 174, 175, 176 của Bộ luật dân sự; Luật Đất đai; Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Công Thị H: Xác định ranh giới thửa đất của hộ bà H với thửa đất của Cụ O như sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 13/5/2024 trong hồ sơ vụ án. Cả Ông P và bà H đều là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Thửa đất số 181 và thửa đất số 182 tại Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Bà H khởi kiện buộc Ông P phải trả bà 15m^2 đất do Ông P lấn chiếm của thửa đất số 181 và đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa thửa đất số

181 và 182. Tranh chấp đất đai giữa bà H và Ông P đã được UBND xã HM hòa giải ngày 03/5/2021. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 của Luật Đất đai, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và đảm bảo về điều kiện tiền tố tụng.

[2]. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện và các lời khai ban đầu, bà H cho rằng diện tích đất 15m^2 gia đình Ông P lấn chiếm là một phần bể nước và tường bao nên khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Ông P trả lại diện tích đất này và đề nghị Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 181 và 182. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu bị đơn phải trả gia đình bà H 15m^2 đất lấn chiếm nữa mà chỉ đề nghị Tòa án xác định ranh giới giữa thửa đất số 181 và 182. Tại phiên tòa, bà H vẫn rút một phần yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của bà H.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà H:

Năm 1997, gia đình Ông P xây nhà, bể nước, công trình phụ và tường bao trên thửa đất số 182.

Ngày 31/12/2002, hộ bà Công Thị H được UBND huyện Phúc Thọ cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ 08, diện tích 965m^2 tại xã HM, huyện Phúc Thọ.

Năm 2012, bà H xây nhà cấp 4 (phía đường làng) giáp với thửa đất số 182; năm 2012-2013, gia đình Ông P xây nhà tạm (quán), cả 2 công trình này của 2 gia đình đều xây móng giật lên tường nhà thẳng hàng theo chiều thẳng đứng (không giật cấp), khoảng cách giữa tường nhà bà H và tường quán nhà Ông P còn lại 14cm.

Năm 2015, cụ Nguyễn Công O được UBND huyện Phúc Thọ cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 182, từ bản đồ số 08, diện tích 301 m^2 tại xã HM, huyện Phúc Thọ.

Tại các thời điểm năm 1997, 2002, 2012 và 2015 nêu trên, cả 2 gia đình Ông P và bà H không có ý kiến, đơn từ hay tranh chấp gì về xây dựng và đất đai.

Năm 2021, bà H muốn xây tường bao sát với móng nhà, bể nước và tường bao của gia đình Ông P nhưng Ông P không đồng ý, mà yêu cầu bà H phải xây từ mép bể nước của gia đình ông kéo thẳng ra phía ngoài (giáp đường làng), còn từ bể nước kéo ra phía sau đến đoạn gấp khúc thì thửa đất số 182 còn 20cm cách đều từ mép tường bao và công trình phụ.

Xét thấy, theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 13/05/2024, nhà cấp 4 (phía đường làng) giáp với thửa đất số 182 của gia đình bà H và nhà tạm (quán) của gia đình Ông P đều xây móng giật lên tường nhà thẳng hàng theo chiều thẳng đứng (không giật cấp), khoảng cách giữa tường nhà bà H và tường quán nhà Ông P còn lại 14cm. Bể nước của gia đình Ông P xây sâu nhất về phía thửa đất số 181 so với các công trình khác của gia đình Ông P. Từ mép bể nước này chiếu thẳng ra phía ngoài giáp đường làng, song song với tường hậu nhà Ông P thì sát với tường hậu của gia đình bà H, hết phần khoảng cách 14cm giữa tường nhà Ông P và tường nhà bà H. Phần móng của

tường bao và công trình phụ của gia đình Ông P hiện còn hở hàng gạch xây móng chìa ra 20cm so với tường bao (do đất bên bà H thấp hơn móng này). Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 13/05/2024, thửa đất số 181 có diện tích 963,1m^2 và thửa đất số 182 có diện tích 302.2m^2. Đối chiếu sơ đồ hiện trạng của 2 thửa đất số 181 và 182 với Biên bản xác định mốc giới thửa đất ngày 06/7/2015 (thời điểm lập hồ sơ cấp GCNQSD đất thửa số 182) thì phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/05/2024 về chiều rộng giáp đường làng của cả 02 thửa đất và hình dáng cạnh tiếp giáp giữa 2 thửa đất số 181 và 182. Vì vậy, có căn cứ xác định, gianh giới giữa 2 thửa đất số 181 và 182 là từ điểm tiếp giáp đường làng sát mép tường nhà bà H (điểm 6) đến mép bể nước nhà Ông P (điểm 14); từ điểm 14 kẻ các đường gấp khúc song song, cách tường hậu công trình phụ và tường bao nhà Ông P 20cm về phía thửa đất số 181 đến điểm 11; từ điểm 11 kẻ các đường gấp khúc đến các điểm 17, 18.

Buộc gia đình bà H phải tháo dỡ công trình xây trên thửa đất số 182.

Bà H cho rằng gia đình Ông P lấn chiếm đất của gia đình bà là không có căn cứ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu xác định ranh giới giữa 2 thửa đất số 181 và 182.

[4]. Về án phí: Ông P và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cả Ông P và bà H đều trên 60 tuổi, là người cao tuổi. Căn cứ vào Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả Ông P và bà H.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175 của Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Công Thị H yêu cầu đòi quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Công P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Công Thị H yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

2.1. Xác định ranh giới thửa đất số 181, tờ bản đồ 08, địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội với thửa đất số 182, tờ bản đồ 08, địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội là đường gấp khúc được giới hạn bởi các điểm: 6,16,14,13,12,11,17,18.

(Có sơ đồ ranh giới 2 thửa đất kèm theo bản án)

2.2. Buộc bà Công Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên thửa đất số 182, tờ bản đồ 08, địa chỉ: Thôn X, xã HM, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Công P và bà Công Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Hiếu